TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày: 25/8/2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Sơn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Thế Khoa
2. Bà Phan Thị Thúy Hằng
Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hiển- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXX-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Phùng Xuân T, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954; Đồng trú: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Đều có mặt tại phiên tòa.

Người được ủy quyền: Bà Lưu Thị Tuyết A, sinh năm 1994; Trú tại: 265 N, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên, theo giấy ủy quyền do Ủy ban nhân dân xã S, huyện S xác nhận ngày 02/12/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn**: Bà Dương Thị X, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Anh Trần Văn S, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người làm chứng**:

1/ Bà Võ Thị T, sinh năm 1955; Trú tại: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn V, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/Anh Phạm Ngọc M, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn P, xã Hòa Đ, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của vợ chồng ông Phùng Xuân Th bà Nguyễn Thị B viết ngày 22/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn vợ chồng

ông T, bà B và người được ủy quyền chị Lưu Thị Tuyết A đều trình bày có nội dung: Vợ chồng ông T làm nghề mua bán phân bón đến vụ lúa thì người dân cân lúa để trừ nợ nên vợ chồng ông T, bà B thu gom lúa để về bán. Do có quan hệ mua bán làm ăn với bà Dương Thị X từ vụ lúa năm 2021 nên hai bên đã mua bán và thanh toán tiền đầy đủ. Trong thời gian từ ngày 20/8/2022 đến ngày 17/9/2022 vợ chồng ông T, bà B có bán cho bà X 23 xe lúa với tổng số tiền 1.455.500.000đ. Sau đó bà X có trả tiền mặt và chuyển khoản trả nhiều lần cho vợ chồng ông T, bà B với tổng số tiền cụ thể như sau:

- Về tiền mặt:

+ Ngày 20/8/2022 tài xế xe của bà X tên thường gọi Cu A (không rõ họ tên) trả cho vợ chồng ông T, bà B số tiền 10.500.000đ.

+ Ngày 03/9/2022 tài xế xe của bà X tên thường gọi T (không rõ họ tên) trả cho vợ chồng ông T, bà B số tiền 10.000.000đ.

+ Ngày 04/9/2022 tài xế xe T trả tiếp cho vợ chồng ông T, bà B số tiền 50.000.000đ.

+ Ngày 12/9/2022 bà X trực tiếp trả 11.465.000đ

+ Ngày 21/10/2022 bà X trực tiếp trả 50.000.000đ

- Về số tiền chuyển khoản trả qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Phú Hòa như sau:

+ Ngày 25/8/2022 chuyển khoản trả 32.945.000đ
+ Ngày 29/8/2022 chuyển khoản trả 50.000.000đ
+ Ngày 31/8/2022 chuyển khoản trả 54.535.000đ
+ Ngày 05/9/2022 chuyển khoản trả 145.617.000đ
+ Ngày 06/9/2022 chuyển khoản trả 100.000.000đ
+ Ngày 07/9/2022 chuyển khoản trả 100.000.000đ
+ Ngày 09/9/2022 chuyển khoản trả 85.000.000đ
+ Ngày 09/9/2022 chuyển khoản trả 66.040.000đ
+ Ngày 10/9/2022 chuyển khoản trả 50.000.000đ
+ Ngày 12/9/2022 chuyển khoản trả 63.870.000đ
+ Ngày 14/9/2022 chuyển khoản trả 70.000.000đ
+ Ngày 16/9/2022 chuyển khoản trả 60.000.000đ
+ Ngày 21/9/2022 chuyển khoản trả 88.330.000đ
+ Ngày 27/9/2022 chuyển khoản trả 20.000.000đ
+ Ngày 28/9/2022 chuyển khoản trả 30.000.000đ
+ Ngày 29/9/2022 chuyển khoản trả 59.020.000đ
+ Ngày 08/10/2022 chuyển khoản trả 39.000.000đ
+ Ngày 10/10/2022 chuyển khoản trả 31.000.000đ
+ Ngày 18/10/2022 chuyển khoản trả 21.000.000đ
+ Ngày 21/10/2022 chuyển khoản trả 7.180.000đ

Bà X đã trả cho vợ chồng ông T, bà B tổng cộng số tiền 1.305.500.000đ (trong đó trả tiền mặt là 131.965.000đ và chuyển khoản là 1.173.535đ), còn nợ lại số tiền 150.000.000đ. Vì vậy, vợ chồng ông T, bà B khởi kiện yêu cầu bà X phải trả số tiền còn nợ 150.000.000đ . Ngoài ra, vợ chồng ông T, bà B không yêu cầu bà X phải trả tiền lãi. Việc bà X cho rằng vào sáng ngày 05/9/2022 vợ chồng ông T, bà B có xuống nhà bà X để lấy số tiền nợ 100.000.000đ là không có và cũng không gạch sổ nợ, đối với quyển sổ bà X photo gửi cho Tòa không phải là sổ theo dõi nợ do bà B lập mà là sổ theo dõi riêng của bà X. Đối với việc bà X cho rằng vào ngày 09/9/2022 bà Dương Thị X có nhờ ông Trần Văn S đem trả cho bà B số tiền 50.000.000đ là không có, vì bà B không nhận bất cứ khoản tiền nào của ông S.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị X trình bày: Bà X làm nghề kinh doanh lúa gạo, có đăng ký kinh doanh. Do có quan hệ mua bán làm ăn với vợ chồng ông T, bà B từ vụ lúa năm 2021 nên hai bên đã mua bán thanh toán tiền đầy đủ. Trong thời gian từ ngày 20/8/2022 đến ngày 17/9/2022 vợ chồng ông T, bà B có bán cho bà X 23 xe lúa với tổng số tiền 1.455.500.000đ. Sau đó, nhiều lần bà X có trả tiền mặt và chuyển khoản trả cho vợ chồng ông T, bà B qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện P nhiều lần như vợ chồng ông T bà B trình bày với tổng số tiền 1.173.535đ. Đối với việc trả tiền mặt thì bà X đã trả 09 lần với tổng số tiền 312.635.000đ cụ thể như sau:

+ Ngày 20/8/2022 tài xế lái xe cho bà X tên thường gọi Cu A (không rõ họ tên) trả cho vợ chồng ông T, bà B số tiền 10.500.000đ.

+ Ngày 03/9/2022 tài xế xe của bà X tên thường gọi T (không rõ họ tên) trả cho vợ chồng ông T, bà B số tiền 10.000.000đ.

+ Ngày 04/9/2022 tài xế xe Tý trả tiếp cho vợ chồng ông T, bà B số tiền 50.000.000đ.

+ Ngày 05/9/2022 bà X trực tiếp trả 100.000.000đ

+ Ngày 09/9/2022 tài xế lái xe cho bà Xuân là Trần Văn S có trả 50.000.000đ

+ Ngày 12/9/2022 bà X trực tiếp trả 11.465.000đ

+ Ngày 14/9/2022 bà X trực tiếp trả 28.670.000đ

+ Ngày 26/9/2022 bà X trực tiếp trả 2.000.000đ

+ Ngày 21/10/2022 bà X trực tiếp trả 50.000.000đ

Tổng cộng bà X đã trả cho vợ chồng ông T, bà B số tiền 1.486.170.000đ. Vì vậy, nay vợ chồng ông T, bà B khởi kiện yêu cầu bà X phải trả số tiền còn thiếu là 150.000.000đ thì bà X không đồng ý, vì ngày 05/9/2022 bà Xuân trực tiếp trả cho bà B số tiền 100.000.000đ tại nhà bà X, khi bà B nhận tiền và đã gạch sổ ghi nợ của bà B xong và bà X có chụp lại sổ bà B ghi nợ, sổ này do bà B giữ, hơn nữa bà B có theo dõi một sổ chốt nợ khác trong đó thì bà X có ghi dòng chữ là trả cho chị B số tiền 100.000.000đ, sau đó vào ngày 09/9/2022 bà B có đưa tiền cho tài xế Trần Văn S trả dùm cho bà B 50.000.000đ, thì bà B cũng gạch sổ ghi nợ của bà B và bà X đã chụp lại và gửi bản photo cho Tòa. Việc anh S trình bày không có trả số tiền 50.000.000đ dùm cho bà X vào ngày 09/9/2022 thì bà X đồng ý, nhưng thực ra bà X đã đưa cho bà B 50.000.000đ và trừ sổ sách theo dõi của bà B. Đối với việc vợ chồng ông T, bà B đã nhận tiền của bà X nhiều hơn số tiền nợ 1.455.500.000đ là 30.670.000đ qua đối chiếu sổ sách (ngày 14/9/2022 bà X trực tiếp trả 28.670.000đ và ngày 26/9/2022 bà X trực tiếp trả 2.000.000đ) thì bà X không có yêu cầu phản tố buộc vợ chồng ông T, bà B phải trả lại cho bà X vì giữa bà X và vợ chồng ông T, bà B mua bán nhiều lần khác nên có tính sổ sách lẫn lộn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S trình bày: Trước đây ông S có trình bày là ngày 09/9/2022 bà Dương Thị X có nhờ ông S đem trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 50.000.000đ, lúc ông S đưa tiền cho bà B vào khoảng 11-12 giờ trưa có phụ xe của là anh Phan Ngọc M chứng kiến là không đúng vì ông S nhớ nhầm, nay ông S nhớ lại là ngày 12/6/2022 bà X đưa cho ông S 50.000.000đ để trả cho bà Võ Thị T, chứ ông S không có trả bất cứ khoản tiền nào cho bà B.

Người làm chứng ông Phạm Ngọc M trình bày: Vào ngày 09/9/2022, ông M và ông Trần Văn S có chở lúa nhà bà T và bà T cho bà X (ông M là phụ xe cho ông S), vì lâu quá nên ông M nhớ nhầm nên mới trình bày là thấy ông S có đưa tiền cho bà B, nay

ông M nhớ lại thì không thấy ông Sinh đưa tiền cho bà B mà ông M thấy ông S đưa tiền cho bà T.

Người làm chứng bà Trần Thị Thanh T và bà Võ Thị T trình bày: Ngày 09/9/2022, bà T và bà T có bán lúa cho bà X, do tài xế S chở lúa. Ngoài ra, việc ông S có trả tiền cho bà B hay không thì bà T và T không có chứng kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Phùng Xuân T. Buộc bị đơn bà Dương Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị B và ông Phùng Xuân T số tiền 50.000.000đ về khoản hợp đồng mua bán tài sản. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 100.000.000đ vì không có căn cứ. Về án phí nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản hợp đồng mua bán tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S và những người làm chứng ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị Thanh T, bà Võ Thị T đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tranh luận tại phiên tòa hôm nay bên nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Phùng Xuân T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà Dương Thị X phải trả khoản tiền mua lúa còn nợ với số tiền 150.000.000đ. Bị đơn bà Dương Thị X không đồng ý vì cho rằng đã trả đủ số tiền nợ cho bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo lời trình bày của nguyên đơn bà B, ông T trong đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và theo sổ sách ghi nợ tiền mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa thì bà X có mua lúa gạo của ông T, bà B để về xay xát bán cho các đại lý, tổng số tiền mua lúa là 1.455.500.000đ, sau đó nhiều lần bà X trả tiền mặt và chuyển khoản trả cho ông T, bà B với tổng số tiền đã trả là 1.305.500.000đ, còn nợ lại số tiền 150.000.000đ nên ông T và bà B khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền còn nợ là 150.000.000đ. Bị đơn bà X thừa nhận có mua lúa gạo của vợ chồng ông T, bà B, tổng số tiền mua bán là 1.455.500.000đ, sau đó bà X đã trả tiền mặt là 131.965.000đ và chuyển khoản với số tiền 1.173.535đ. Tổng cộng 1.486.170.000đ, là vượt quá số tiền nợ nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc mua bán lúa về số lượng, giá cả và phương thức trả nợ, tổng số lúa nguyên đơn bán cho bị đơn 23 xe lúa, thành tiền là 1.445.500.000đ. Sau khi mua bán bên bị đơn tiến hành thanh toán tiền, qua đối chiếu các chứng từ đã chuyển khoản thì hai bên thống nhất số tiền đã chuyển khoản trả là 1.173.535đ, về số tiền mặt đã trả thì bà X trình bày ngoài 05 lần bà X đã trả cho ông T bà B tổng số tiền 131.965.000đ, thì bà X còn trả tiền mặt cho bên nguyên đơn 04 lần nữa cụ thể vào ngày 05/9/2022 bà X trực

tiếp đưa cho bà B số tiền 100.000.000đ tại nhà bà X, khi đó bà B nhận tiền và đã gạch sổ ghi nợ của bà B, do sổ ghi nợ này là của bà B giữ nên không cung cấp cho Tòa, bà X chỉ cung cấp cho Tòa bản photo và file hình ảnh, tuy nhiên theo Công văn số 201 ngày 08/8/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Yên trả lời không nhận giám định tài liệu sao chụp nên yêu cầu giám định của bà X không được chấp nhận. Tuy nhiên, qua đối chất và tại phiên tòa bà B trình bày theo quyển sổ bà B cung cấp cho Toà tại trang đánh số thứ tự (số 4) bà B và bà X đều thừa nhận vào ngày 21/10/2022 hai bên chốt nợ thì bà X có viết vào sổ ghi nợ của bà B tổng số tiền bán lúa là 1.455.500.000đ trừ số tiền đã trả 1.248.320đ, còn nợ 207.180.000đ, ngày 05/9 chị nhận 100.000.000đ và ngày 21/10/2022 trả 57.180.000đ, còn nợ là 50.000.000đ, khi bà X viết vào sổ nợ thì bà B không có ý kiến hay tranh chấp, mà ông T tự ghi câu "để tính lại", do đó việc bị đơn bà X trình bày vào ngày 05/9/2022 đã trả cho bà B số tiền 100.000.000đ là có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu của bên nguyên đơn.

Đối với số tiền nợ 50.000.000đ còn lại bà X trình bày đã đưa tài xế Trần Văn S trả dùm cho bà B nhưng trong quá trình giải quyết ông S trình bày do lâu quá nên nhớ nhầm là có đưa dùm tiền của bà X cho bà T 50.000.000đ, chứ ông S không đưa cho bà B bất cứ khoản tiền nào, tại phiên tòa bà X thống nhất như lời trình bày của ông S. Tuy nhiên, bà X cho rằng đã trả cho bà B 50.000.000đ và bà B đã gạch sổ theo dõi nợ của bà B nên bà X không có bản chính cung cấp để trưng cầu giám định nên không có căn cứ xác định bà X đã trả cho vợ chồng ông T, bà B số tiền 50.000.000đ. Đồng thời, theo như theo quyển sổ bà B cung cấp cho Toà tại trang đánh số thứ tự (số 4) bà B và bà X đều thừa nhận vào ngày 21/10/2022 hai bên chốt nợ thì bà X còn nợ là 50.000.000đ. Do đó, yêu cầu của bên nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà X phải trả cho nguyên đơn ông T, bà B số tiền 50.000.000đ, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 100.000.000đ vì không có căn cứ. Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu bà X phải trả tiền lãi nên Tòa không xét.

Đối với việc bà X trình bày đã trả cho vợ chồng bà B, ông T số tiền mua lúa nhiều hơn số tiền nợ là 30.670.000đ (ngày 14/9/2022 bà X trực tiếp trả 28.670.000đ và ngày 26/9/2022 bà X trực tiếp trả 2.000.000đ), tuy nhiên bà X không có yêu cầu phản tố buộc vợ chồng ông T, bà B phải trả lại cho bà X nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn vợ chồng ông Phùng Xuân T, bà Nguyễn Thị B bị bác một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 100.000.000đ nên phải chịu 5.000.000đ án phí DSST (100.000.000đ x 5%).

Bị đơn bà Dương Thị X phải chịu 2.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm (50.000.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, 228 và Điều 229 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 430 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Phùng Xuân T. Buộc bị đơn bà Dương Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị B và ông Phùng Xuân T số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* về khoản hợp đồng mua bán tài sản.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Phùng Xuân T về yêu cầu bà Dương Thị X phải trả số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* vì không có căn cứ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Phùng Xuân T phải chịu 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 3.750.000đ *(Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007499 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Phú Hòa nên còn phải nộp 1.250.000đ *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Bị đơn bà Dương Thị X phải chịu 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.P;
- CCTHADS h. P;
- TANDT Phú Yên
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Sơn